TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 183/2024/DS-GĐT
Ngày: 30 - 7 - 2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng QSDĐ, thuê QSDĐ và tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thuê quyền sử dụng đất và tài sản"* giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Cụ Lý Văn X, sinh năm 1929;

2. Cụ Lê Thị C, sinh năm 1947;

3. Bà Lý Thị Huỳnh A1, sinh năm 1966;

4. Ông Lý Thanh A2, sinh năm 1971;

5. Bà Lý Thị H1, sinh năm 1973;

6. Bà Lý Thị T1, sinh năm 1976;

7. Bà Lý Thị Ngọc T2, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Lý Thị T3, sinh năm 1977; cư trú tại: khóm 1, thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Lý Thị L, sinh năm 1983; cư trú tại: khóm AHA, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Lý Thị T1, sinh năm 1976; cư trú tại: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2020).

Bị đơn:

1. Ông Lý Thanh T4, sinh năm 1981; cư trú tại: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị Bé T5, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp GD, xã BP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bé T5 là bà Nguyễn Thị M, cư trú tại số 29, khóm MH, phường 3, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Thùy D1, sinh năm 1986; cư trú tại: khóm 3, thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cháu Lý Thiện N1 (con của ông Lý Thanh T4), sinh năm 2009;

3. Cháu Lý Bảo N2 (con của ông Lý Thanh T4), sinh năm 2018;

Cùng địa chỉ: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lý Thiện N1 và cháu Lý Bảo N2: ông Lý Thanh T4 và bà Phạm Thị Thùy D1 (cha, mẹ của các cháu Lý Thiện N1 và Lý Bảo N2).

4. Cháu Nguyễn Lý Khả H2 (con của bà T2), sinh năm 2014; cư trú tại: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Lý Khả H2: bà Lý Thị Ngọc T2 (mẹ của Nguyễn Lý Khả H2).

5. Bà Trần Thị H3 (chị của bà T5), sinh năm 1979;

6. Ông Dương Hữu T6 (chồng của bà T5), sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp GD, xã BP, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H3 và ông Dương Hữu T6 là bà Nguyễn Thị M; cư trú tại: số 29, khóm MH, phường 3, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020).

7. Ông Nguyễn Đăng N3, sinh năm 1990.

HKTT: xã NP, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Nguyễn Thị Thúy H4, sinh năm 1985.

HKTT: ấp 6, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

9. Công ty trách nhiệm hữu hạn tập đoàn đầu tư HS (sau đây gọi tắt là Công ty HS).

Địa chỉ: thôn 2, xã ĐM, huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty HS: ông Nguyễn Thanh H6, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH tập đoàn đầu tư HS tại HN; cư trú tại: khóm ATB, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

10. Phòng Công chứng số 3;

Địa chỉ: số nhà 47, đường LHP, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tống Thanh H7, chức vụ: Trưởng phòng Công chứng số 3.

11. Văn phòng Công chứng NQD.

Địa chỉ: Lô 2, khu dân cư bờ Đ, đường LTHG, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang D2, chức vụ: Trưởng văn phòng.

12. Ủy ban nhân dân thành phố HN;

Địa chỉ: khóm ATA, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các nguyên đơn trình bày:

Năm 1960, cha mẹ chúng tôi được ông, bà cho đất để canh tác sản xuất, đến ngày 08/9/2006 được Ủy ban nhân dân huyện HN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lý Văn X (hộ gia đình gồm 09 thành viên là: cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, bà Lý Thị Huỳnh A1, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị T1, bà Lý Thị Ngọc T2, cùng địa chỉ cư trú tại khóm ATB, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; bà Lý Thị T3, địa chỉ cư trú tại khóm 1, thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp; bà Lý Thị L, địa chỉ cư trú tại khóm AHA, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh An Giang), gồm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.658m^2, tại các thửa đất số: 22, 35, 41, 83, 88, các tờ bản đồ số 23, 27.

Đến ngày 09/01/2017, các thành viên trong hộ là: cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị T1, bà Lý Thị Ngọc T2 có làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lý Thanh T4 để ông T4 đứng tên giấy chứng nhận thuận tiện việc giao dịch vay vốn Ngân hàng làm ăn (không phải cá nhân ông Lý Thanh T4 sử dụng), với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 22, 35, 41, 83, 88. Hợp đồng tặng cho chỉ có 06 thành viên trong

gia đình ký, còn lại 03 thành viên gồm: Bà Lý Thị Huỳnh A1, bà Lý Thị T3, bà Lý Thị L không ký vào hợp đồng tặng cho này.

Ngày 05/9/2019, không thông qua ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình, ông Lý Thanh T4 tự ý chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1374, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD cho bà Trần Thị Bé T5 các thửa đất số: 22, 35, 41. Hiện nay, bà Trần Thị Bé T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 22, 35, 41 (theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên) mà chúng tôi không hề hay biết.

Ngày 10/9/2019, không thông qua ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình, ông Lý Thanh T4 lại tiếp tục tự ý chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1385, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD cho bà Trần Thị Bé T5 các thửa đất số: 83, 88.

Gia đình hộ cụ X giao quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Lý Thanh T4 chỉ để thuận tiện giao dịch Ngân hàng do cụ X và cụ C đã lớn tuổi, thực tế các quyền sử dụng đất này hộ cụ X trực tiếp canh tác quản lý, sử dụng từ xưa cho đến nay.

Do vậy, các nguyên đơn yêu cầu giải quyết như sau:

1. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 86, quyển 01TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 09 tháng 01 năm 2017 giữa hộ cụ X với ông Lý Thanh T4 và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Thanh T4.

2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1374, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5 và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Bé T5.

3. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1385, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5.

Đối với quyền sử dụng đất các nguyên đơn đang cho thuê, không tranh chấp, không yêu cầu gì khác.

Không đồng ý hủy các hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất và không đồng ý di dời tài sản ra khỏi quyền sử dụng đất của bà T5.

Đối với yêu cầu bồi thường do hợp đồng vô hiệu của bà Trần Thị Bé T5, nguyên đơn không thống nhất, những người trong hộ cụ X không phải bồi thường, những ai có vay tiền của bà Trần Thị Bé T5 thì có trách nhiệm bồi thường.

Bị đơn ông Lý Thanh T4 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ba ông tên Lý Văn X và mẹ ông Lê Thị C (quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận cho hộ Lý Văn X). Cuối năm 2016, do cần vốn kinh doanh nên ông T4 hỏi mượn 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ X để làm thủ tục vay vốn Ngân hàng. Do cụ X lớn tuổi, để thuận tiện trong việc vay vốn, ngày 09/01/2017, gia đình thống nhất làm hợp đồng tặng

cho quyền sử dụng đất cho ông T4, mục đích để ông T4 đứng tên trên giấy chứng nhận thuận tiện cho việc vay vốn, không phải tặng cho riêng cho cá nhân ông T4, toàn bộ tài sản vẫn là tài sản chung của cha mẹ, anh chị em trong gia đình, ông T4 không có quyền định đoạt tài sản này.

Năm 2016, do cần vốn kinh doanh, ông T4 có quen biết và vay tiền của vợ chồng bà Trần Thị Bé T5, ông Dương Hữu T6 với số tiền tính đến cuối tháng 6/2019 là 1.400.000.000đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, giấy tính lãi do bà Trần Thị Bé T5 ghi và quản lý. Ngày 05/7/2019, bà Trần Thị Bé T5 buộc vợ chồng ông T4 ghi biên nhận mượn tiền của bà Trần Thị H3 (chị bà T5) với số tiền nêu trên và ghi nhận là từ ngày 01/4/2019, ông T4 không còn khả năng đóng lãi nên có mong muốn bán đất tại xã THC, huyện TH để trừ nợ nhưng bà Trần Thị Bé T5 không đồng ý.

Năm 2019, vợ chồng ông T4 có vay thế chấp quyền sử dụng đất nói trên tại Ngân hàng Viettinbank với số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), ông T4, bà D1 có liên hệ với Ngân hàng để vay thêm số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) để trả tiền vay cho bà T5. Vợ ông T4 có năn nỉ ông T6 mượn giúp 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) để trả nợ Ngân hàng, mục đích lấy lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đi vay tiền sẽ dễ hơn và vay được nhiều tiền hơn.

Ngày 04/9/2019, bà Trần Thị Bé T5 và ông T6 có cho vợ chồng ông T4 vay số tiền 3.300.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000đồng để trả nợ Ngân hàng. Mặt khác, bà T5 và ông T6 làm hợp đồng cam kết chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất nêu trên với số tiền 4.750.000.000 đồng làm niềm tin cho số nợ mà vợ chồng ông T4 đã vay của bà T5, ông T6 (không phải là chuyển nhượng thật sự). Ông T4, bà D1 không muốn ký vào giấy chuyển nhượng này (vì không giống với các giấy vay tiền lần trước). Ngày 03/9/2019, bà Trần Thị Bé T5 nhắn cho vợ ông T4 (tin nhắn lưu lại) nói bà T5 sẽ gửi đơn thưa ông T4, bà D1 đến Công an huyện, lo sợ nên ông T4, bà D1 đã ký tên vào giấy nhận tiền.

Ngày 05/9/2019, ông T4 lấy tài sản thế chấp từ Ngân hàng Vietinbank, thì bà T5 buộc vợ chồng ông T4 đến Phòng công chứng PCD, ép buộc vợ chồng ông T4 lập hợp đồng chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà T5, ông T4 đã ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng với mục đích ký là để làm niềm tin, thực tế không có việc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất với số tiền 500.000.000 đồng (không có biên nhận tiền).

Ngày 10/9/2019, bà T5 tiếp tục ép buộc ông T4 ký chuyển nhượng 02 quyền sử dụng đất còn lại, nếu không ký bà T5 đe dọa đòi lại tiền, vì không có khả năng trả nợ nên ông T4 buộc phải đến Phòng công chứng PCD tiếp tục làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mục đích ký hợp đồng lần này vẫn là để làm niềm tin, thực tế không có việc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất số tiền 200.000.000 đồng (không có biên nhận tiền).

Ngày 20/9/2019, bà Trần Thị Bé T5 có liên hệ ông T4 để mượn 04 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai thuế, tờ khai biến động để cho chồng bà T5 xem. Ngày 22/9/2019, ông T4 có hẹn bà T5 trả lại cho ông T4 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T5 không trả. Trong thời gian đó, ông T4 đã liên hệ với rất nhiều Ngân hàng và Ngân hàng đồng ý cho vợ chồng ông T4 vay tiền đủ để trả cho vợ chồng bà T5. Khi đang làm thủ tục vay vốn, thẩm định đất thì bà T5 đã tự ý nộp hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên để bà T5 được đứng tên giấy chứng nhận mà không thông qua vợ chồng ông T4.

Qua yêu cầu của các nguyên đơn, ông Lý Thanh T4 thống nhất:

1. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 86, quyển 01TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 09 tháng 01 năm 2017 giữa ông Lý Thanh T4 với hộ cụ X và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Thanh T4.

2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1374, quyển số 02 TP/CC-SCC/HDGD ngày 05/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5 và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Bé T5.

3. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1385, quyển số 02TP/CC-SCC/HDGD ngày 10/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5.

Ông T4 yêu cầu bà Trần Thị Bé T5 trả lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình của ông T4.

Nếu hợp đồng nêu trên bị vô hiệu, ông T4 yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với quyền sử dụng đất các nguyên đơn đang cho thuê, không tranh chấp, không yêu cầu gì khác.

Ông T4 và bà D1 thống nhất liên đới trả cho bà Trần Thị Bé T5 số tiền vay còn thiếu là 4.750.000.000đồng (bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi.

Bị đơn Trần Thị Bé T5 do bà Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn và ông Lý Thanh T4, vì ngày 09/01/2017, hộ cụ Lý Văn X đã tự nguyện ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo đúng quy định cho ông Lý Thanh T4 (là con trai ruột trong gia đình), ông Lý Thanh T4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định. Các quyền sử dụng đất nêu trên, do ông T4 đứng tên nên ông T4 có quyền quyết định đối với tài sản này. Mặc khác, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Bé T5 với ông Lý Thanh T4 phù hợp quy định của pháp luật, được công chứng, chứng thực đúng quy định tại Phòng công chứng Nguyễn Quang D2. Ông Lý Thanh T4, bà Phạm Thị Thùy D1 đã nhận đủ tiền, giao đất và bà T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Còn 02 thửa đất, bà T5 tiếp tục đi đăng ký để được cấp giấy chứng nhận thì các nguyên đơn ngăn chặn nên bà T5 chưa được cấp.

Bà T5 là người nhận chuyển nhượng ngay tình hợp pháp, nên qua các yêu cầu của nguyên đơn, bà T5 không thống nhất toàn bộ.

Bà T5 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T5 với ông Lý Thanh T4 và công nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T5 là hợp pháp. Nếu hợp đồng nêu trên bị vô hiệu, bà T5 yêu cầu những người trong hộ cụ Lý Văn X (gồm vợ chồng cụ X và các con ruột của cụ X) phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà T5 theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Đăng N3, bà Nguyễn Thị Thúy H4, Công ty HS là những người thuê quyền sử dụng đất thửa 41, tờ bản đồ số 23 nói trên, cụ thể: Cụ Lý Văn X đứng tên cho bà Nguyễn Thị Thúy H4 thuê mặt bằng theo hợp đồng ngày 01/5/2019, giá thuê 36.000.000 đồng/năm (bình quân 3.000.000/tháng);

Bà Lý Thị T1 đứng tên cho ông Nguyễn Đăng N3 thuê nhà xưởng và kho bãi theo hợp đồng ngày 01/8/2019 với giá thuê là 72.000.000 đồng/năm (bình quân 6.000.000 đồng/tháng);

Ông Lý Thanh T4 đứng tên cho Công ty HS thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng ký ngày 20/4/2017, giá thuê 5.000.000 đồng/tháng.

Bà T5 nhận thấy hợp đồng thuê nhà xưởng và kho bãi giữa bà T1 với ông N3 ngày 01/8/2019 và hợp đồng thuê mặt bằng giữa cụ X với bà H4 ngày 01/5/2019; thời điểm này cụ X, bà T1 không có quyền cho thuê quyền sử dụng đất này, vì ông T4 là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng cho thuê giữa ông T4 với Công ty HS theo hợp đồng từ ngày 01/4/2017 đến ngày 31/3/2022, thời điểm này quyền sử dụng đất đang thế chấp vay Ngân hàng.

Từ ngày 17/10/2019, bà T5 có quyền sử dụng đất, nhưng các nguyên đơn không chịu giao đất cho bà T5, gây thiệt hại về kinh tế rất lớn cho bà T5.

Bà Trần Thị Bé T5 yêu cầu:

1. Hủy Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (mặt bằng) đề ngày 01/5/2019 giữa cụ Lý Văn X với bà Nguyễn Thị Thúy H4;

2. Hủy Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (nhà xưởng và kho bãi) đề ngày 01/8/2019 giữa bà Lý Thị T1 với ông Nguyễn Đăng N3;

3. Hủy Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/4/2017 giữa ông Lý Thanh T4 với Công ty HS;

4. Bà Nguyễn Thị Thúy H4 phải trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho bà T5 từ ngày 21/10/2019 đến ngày 07/7/2020 với tổng số tiền là 25.400.000đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiếp tục trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật;

5. Ông Nguyễn Đăng N3 phải trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho bà T5 từ

ngày 21/10/2019 đến ngày 07/7/2020 với tổng số tiền 50.800.000 đồng (năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng) và tiếp tục trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật;

6. Công ty HS phải trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho bà T5 từ ngày 21/10/2019 đến ngày 07/7/2020 với tổng số tiền là 42.300.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng) và tiếp tục trả tiền thuê quyền sử dụng đất cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Buộc ông Lý Thanh T4, bà Phạm Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đăng N3, bà Nguyễn Thị Thúy H4, Công ty HS phải liên đới di dời cơ sở, cửa hàng, nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất lại cho bà T5 theo quy định của pháp luật;

8. Cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, bà Lý Thị Huỳnh A1, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị T1, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị Ngọc T2, bà Lý Thị T3, bà Lý Thị L phải liên đới di dời căn nhà, vật, kiến trúc ra khỏi quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 83, 88, tờ bản đồ số: 23 và trả quyền sử dụng đất lại cho bà Trần Thị Bé T5. Ngoài ra, không yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Thùy D1 trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chồng bà là ông Lý Thanh T4 và thống nhất theo lời trình bày tại văn bản ý kiến bổ sung đề ngày 28/5/2020 của bà D1 đã nộp cho Tòa án; bà D1 không có yêu cầu độc lập đối với số tiền 1,4 tỷ đồng, nếu sau này xảy ra tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác; bà D1 và bà T5 có nhắn tin qua lại với nhau theo đường Zalo, nhưng khi vay tiền thì có làm biên nhận vay tiền riêng. Ngoài ra, không yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần tập đoàn đầu tư HS do ông Nguyễn Thanh H6 là đại diện hợp pháp trình bày: Yêu cầu được tiếp tục thuê quyền sử dụng đất của người nào được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, còn việc các đương sự tranh chấp không ý kiến, yêu cầu; nếu Tòa án buộc Công ty HS phải trả tiền cho bà T5, thì sau này Công ty sẽ khởi kiện lại ông Lý Thanh T4 thành vụ án khác, vì Công ty đã trả tiền cho ông T4 rồi. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đăng N3 trình bày: Yêu cầu được tiếp tục thuê quyền sử dụng đất của người nào được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, còn việc các đương sự tranh chấp không ý kiến; nếu Tòa án buộc ông N3 phải trả tiền cho bà T5, thì ông N3 sẽ khởi kiện lại bà Lý Thị T1 thành vụ án khác. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy H4 trình bày: Yêu cầu được tiếp tục thuê quyền sử dụng đất của người nào được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, còn việc các đương sự tranh chấp không ý kiến, yêu cầu; nếu Tòa án buộc bà H4 phải trả tiền cho bà T5, thì sau này bà H4 sẽ khởi kiện lại cụ Lý Văn X thành vụ án khác. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H3 đã trình bày: Thống nhất theo lời khai và yêu cầu của bà Trần Thị Bé T5, đồng thời, bà H3 trình bày thêm: Từ năm 2016 đến năm 2019, thông qua sự giới thiệu của em bà H3, bà H3 có cho vợ chồng bà D1 mượn tiền nhiều lần để đáo nợ Ngân hàng và làm ăn, trong đó có biên nhận 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) vào ngày 01/4/2019 (có biên nhận chứng minh, đến ngày 04/9/2019, vợ chồng bà D1 đã trả cho bà H3 số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Trong thời gian này, bà H3 có nhờ bà T5 đến vợ chồng bà D1 lấy tiền dùm và có ký tên theo như vợ chồng bà D1 cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Hữu T6 trình bày: Thống nhất theo lời khai và yêu cầu của bà Trần Thị Bé T5, đồng thời ông T6 trình bày thêm: Ngày 17/10/2019, ông T6 có gọi điện để thỏa thuận bán lại tài sản ông T6 vừa mua của ông T4 cho bà T1 (chị của ông T4). Ông T6 nghĩ bà T1 có tiền để mua lại vì bên gia đình bà T1 có người trúng số độc đắc được 6 tỷ. Còn giá ông T6 kêu bán lại 5,5 tỷ vì ông T6 mua vào đã 4.750.000.000 đồng thì ông T6 bán ra 5,5 tỷ là hợp lý. Ngoài ra, ông T6 không ý kiến, yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng NQD do ông Nguyễn Quang D2 là người đại diện hợp pháp đã trình bày: Việc ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Bé T5 với ông Lý Thanh T4 là đúng theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này không tranh chấp, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng công chứng số 3 do ông Tống Thanh H7 là người đại diện hợp pháp đã trình bày: Việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ Lý Văn X với ông Lý Thanh T4 là đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã HN đã trình bày: Theo Công văn số 175/UBND-NC đề ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã HN về việc cung cấp thông tin như sau: "... Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Văn X diện tích 8.433m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 27 và các thửa đất số 35, 41, 83, 88 thuộc tờ bản đồ số 23, đảm bảo đúng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..; việc tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 8.658m^2 thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 27 và các thửa đất số 35, 41, 83, 88 cùng tờ bản đồ số 23 giữa hộ ông Lý Văn X với ông Lý Thanh T4, đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.459m^2 thuộc thửa, đất số 22, tờ bản đồ số 27 và các thửa đất số 35, 41, tờ bản đồ số 23 giữa ông Lý Thanh T4 và bà Trần Thị Bé T5, đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp...".

Tại Bản án sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã HN (nay là thành phố HN), Đồng Tháp tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bé T5.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 6.733m^2, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 27 và các thửa đất số 35, 41, tờ bản đồ số 23, cùng mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản, đề ngày 05/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.733m^2, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 27 và tại các thửa đất số 35, 41, tờ bản đồ số 23 do bà Trần Thị Bé T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17/10/2019.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.925m^2, tại các thửa đất số 83, 88, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị có diện tích 400m^2 và đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 1.525m^2, đề ngày 10/9/2019 giữa ông Lý Thanh T4 với bà Trần Thị Bé T5 là hợp pháp.

Bà Trần Thị Bé T5 có quyền đến cơ quan Nhà nước xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.925m^2, trong phạm vi từ mốc 1, 2, 19, 3, 6, 7, 8, 9, 20, 10 trở về mốc 1, đất tọa lạc tại khóm ATB, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc bổ sung số: 03-2020 đề ngày 25/5/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HN và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đề ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp).

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/4/2017 giữa ông Lý Thanh T4 với Công ty HS là vô hiệu.

Buộc Công ty HS phải trả cho bà Trần Thị Bé T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 47.999.800 đồng (bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Bé T5 có đơn yêu cầu thi hành án, mà Công ty HS chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng về việc cho thuê nhà xưởng và kho bãi đề ngày 01/8/2019 giữa bà Lý Thị T1 với ông Nguyễn Đăng N3 là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Đăng N3 phải trả cho bà Trần Thị Bé T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 57.600.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Bé T5 có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Đăng N3 chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng về việc thuê mặt bằng đề ngày 01/5/2019 giữa cụ Lý Văn X với bà Nguyễn Thị Thúy H4 là vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H4 phải trả cho bà Trần Thị Bé T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Bé T5 có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Nguyễn Thị Thúy H4 chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc hộ cụ Lý Văn X (gồm có cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị T1, ông Lý Thanh T4, bà Lý Thị Ngọc T2, cháu Lý Thiện N1, cháu Nguyễn Lý Khả H2, cháu Lý Bảo N2) phải liên đới tháo dỡ di dời toàn bộ nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty HS phải tháo dỡ di dời toàn bộ nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Đăng N3 phải tháo dỡ di dời toàn bộ nhà (nhà xưởng và kho bãi), vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H4 phải tháo dỡ di dời toàn bộ nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Lý Thị T1 và ông Lý Thanh A2 phải liên đới di dời toàn bộ số cá trong ao ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 theo quy định của pháp luật.

Hộ cụ Lý Văn X (gồm có cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị T1, ông Lý Thanh T4, bà Lý Thị Ngọc T2, cháu Lý Thiện N1, cháu Nguyễn Lý Khả H2, cháu Lý Bảo N2); Công ty HS; ông Nguyễn Đăng N3; bà Nguyễn Thị Thúy H4 đều được quyền lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (nếu có yêu cầu).

Trong thời gian lưu cư, Công ty HS phải trả cho bà Trần Thị Bé T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

Trong thời gian lưu cư, ông Nguyễn Đăng N3 phải trả cho bà Trần Thị Bé T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng tương ứng thời gian sử dụng.

Trong thời gian lưu cư, bà Nguyễn Thị Thúy H4 phải trả cho bà Trần Thị Bé

T5 tiền thuê quyền sử dụng đất với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng tương ứng thời gian sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá; quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án phúc thẩm số 110/2021/DS-PT ngày 05/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của cụ Lý Văn X, cụ Lê Thị C, bà Lý Thị Huỳnh A1, ông Lý Thanh A2, bà Lý Thị H1, bà Lý Thị T1, bà Lý Thị Ngọc T2, bà Lý Thị T3, bà Lý Thị L, ông Lý Thanh T4, bà Phạm Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đăng N3, bà Nguyễn Thị Thúy H4 và Công ty HS;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17/5/2021, ông Lý Thanh T4 và bà Phạm Thị Thùy D1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã HN và Bản án dân sự phúc thẩm số 110/2021/DS-PT ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Thông báo số 632/TB-TACC ngày 25/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời ông T4, bà D1 là không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 05/5/2022, ông Lý Thanh T4 và bà Phạm Thị Thùy D1 tiếp tục có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 110/2021/DS-PT ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 22/2024/KN-DS ngày 04/4/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 110/2021/DS-PT ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã HN; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố HN giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhất trí với quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc các thửa số 22, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.459,0m^2; thửa số 35, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.521,0 m^2; thửa số 41, tờ bản đồ số 23, diện tích 753,0 m^2; thửa số 83, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.084,0

m^2 và thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23, diện tích 841,0 m^2 tại thị trấn Hồng Ngự, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là do các cố để lại cho hộ cụ Lý Văn X. Ngày 08/9/2006, Ủy ban nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này cho hộ cụ X (hộ gia đình cụ X có 09 thành viên là: Lý Văn X, Lê Thị C, Lý Thị Huỳnh A1, Lý Thanh A2, Lý Thị H1, Lý Thị T1, Lý Thị Ngọc T2, Lý Thị T3, Lý Thị L).

[2]. Ngày 09/01/2017, sáu thành viên trong hộ là Lý Văn X, Lê Thị C, Lý Thanh A2, Lý Thị H1, Lý Thị T1, Lý Thị Ngọc T2 làm thủ tục tặng quyền sử dụng đất cho ông Lý Thanh T4. Ngày 23/01/2017, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Hồng Ngự chỉnh lý sang tên cho ông Lý Thanh T4. Ngày 04/9/2019, vợ chồng ông Lý Thanh T4, bà Phạm Thị Thùy D1 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho ông Dương Hữu T6 và bà Trần Thị Bé T5 với giá chuyển nhượng là 4.750.000.000 đồng. Ngày 05/9/2019 và ngày 10/9/2019 tại Văn phòng Công chứng NQD, ông T4 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Bé T5 đối với các thửa đất trên. Ngày 17/10/2019, bà T5 đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã HN chỉnh lý sang tên đối với các thửa đất số 22, tờ bản đồ số 71, diện tích 3.459,0 m^2; thửa đất số 35, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.521,0 m^2; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 23, diện tích 753,0 m^2 (đất nuôi trồng thủy sản). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/9/2019 và ngày 10/9/2019 giữa ông T4 với bà T5 có hình thức đúng quy định của pháp luật. Các nguyên đơn và ông T4 cho rằng lý do ký hợp đồng chuyển nhượng xuất phát từ việc ông T4 không có khả năng trả nợ cho bà T5 nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

[3]. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2019 thì trên diện tích đất chuyển nhượng có 01 khu sảnh lớn diện tích 135,6m^2 (nhà A trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà cấp 4 trong khu sảnh lớn (nhà B trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà hai tầng của cụ Lý Văn X (nhà C trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà bếp (nhà D trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà vệ sinh (nhà E trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà của ông Nguyễn Đăng N3 (nhà R trên sơ đồ đo đạc), 01 nhà của Công ty HS (nhà H trên sơ đồ đo đạc), Trại liền nhà phía sau (nhà M trên sơ đồ đo đạc) và 01 nhà bà Nguyễn Thị Thúy H4 (nhà F trên sơ đồ đo đạc). Tại các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T4, bà D1 với ông T6, bà T5, giữa ông T4 với bà T5 các ngày 04/9/2019, 05/9/2019 và 10/9/2019 đều không thể hiện việc chuyển nhượng đất gắn liền với tài sản trên đất. Do đó, theo quy định tại Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T4 với bà T5 như đã nêu trên được xem là trường hợp hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được nên vô hiệu.

[4]. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là hợp pháp, từ đó buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ di dời nhà, vật kiến trúc ra khỏi diện tích đất tranh chấp để giao đất cho bà Trần Thị Bé T5 là không đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 22/2024/KN-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 110/2021/DS-PT ngày 05/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã HN. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (để biết);
- TAND thành phố HN (để biết);
- CTHADS thành phố HN (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GĐKTII, HSVA, THS. (MT)

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Cường